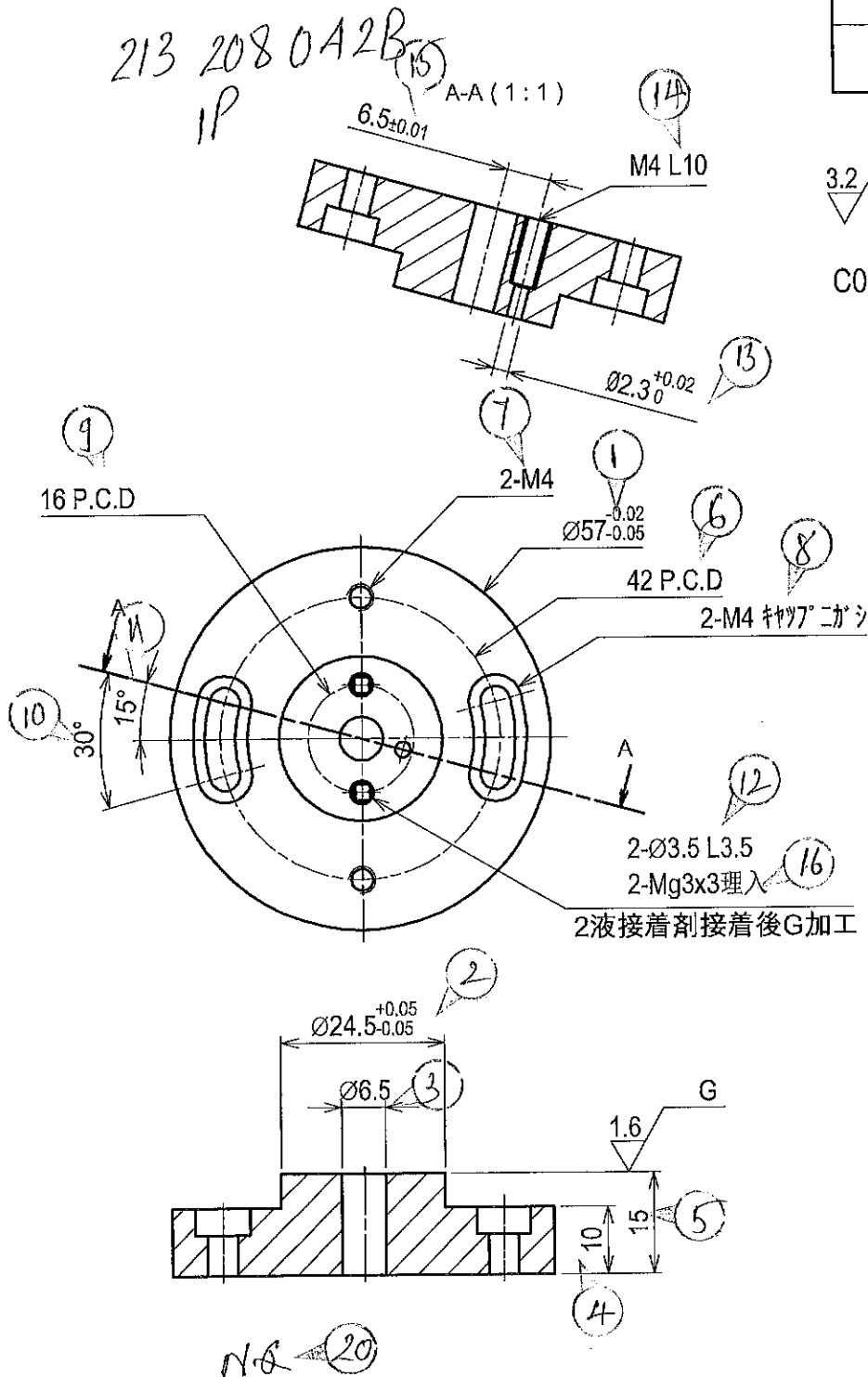


REV.	DATE	DESCRIPTION	RES.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
init.	2010/12/09			K.Abe	H.Hosokawa	0.5 ≤, ≤ 6 ± 0.1
△						6 <, ≤ 30 ± 0.2
△						30 <, ≤ 120 ± 0.3
△						120 <, ≤ 400 ± 0.5
						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0410-k
						FINISH MARKS



DWN.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
K.Abe	H.Hosokawa	部品図	下型
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING	LOWER-DIE
HRC 55° ~ 60°	(18) SOB (19)	部品図	下模
MATERIAL	DATE	SCALE	下模
SKS3	2010/12/09	1:1	DWG.No.
			S872802

SNO:	
SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:	
NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197	
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<div>1.VẬT LIỆU:</div> <div>2.THỜI GIAN GIA CÔNG</div>	